

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4875/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 45/CVMT-SM ngày 09/8/2024 và Công văn số 76/CVMT-SM ngày 17/9/2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1509/TTr-STNMT ngày 23 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai, địa chỉ tại Số 326 Hùng Vương, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh

nghiệp 1600169024. Đăng ký lần đầu ngày 05/3/1997; đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 16/08/2024 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 1600169024

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng cao cấp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 538.000 m²;

- Quy mô dự án:

+ Quy mô xây dựng: Khu A – Khu đón tiếp điều hành (khoảng 2,6 ha); Khu B – Khu đồi Tịnh tâm (khoảng 4,94ha); Khu C – Khu nghỉ (khoảng 13,978 ha); Khu D – Khu dưỡng (khoảng 8,0ha); Khu E – Khu Villa (khoảng 6,128 ha); Khu F - Khu Đảo ngọc (khoảng 3,866 ha); Mặt nước (khoảng 14,288 ha);

+ Quy mô khách phục vụ tối đa là khoảng 1.200 khách/ngày, trong đó lượt khách lưu trú là 700 khách/ngày, khách vắng lai quy đổi khoảng 500 khách/ngày;

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai và đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp

giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

3. Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án.

Tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 01 tháng 10 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thọ Xuân và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Tập đoàn Sao Mai (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Thọ Xuân (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các công trình của Khu A - Khu đón tiếp, điều hành (bao gồm nước thải tắm, rửa tay chân, nước thải nhà bếp; nước thải đại tiện, tiểu tiện và dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 43,1 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các công trình của Khu C - Khu nghỉ (bao gồm nước thải tắm, rửa tay chân, nước thải nhà bếp; nước thải đại tiện, tiểu tiện và dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 154,7 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các công trình của Khu D - Khu dưỡng (bao gồm nước thải tắm, rửa tay chân, nước thải đại tiện, tiểu tiện và dội vệ sinh) lưu lượng lớn nhất 16,1 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa thành bể, hút cặn đáy bể bơi, lưu lượng phát sinh lớn nhất 70,1 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa hệ thống lọc bể bơi, lưu lượng phát sinh lớn nhất 2,0 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 06: Nước thải phát sinh từ khu nhà giặt ủi tại Khu D, lưu lượng phát sinh lớn nhất 11,4 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại các công trình của Khu E - khu Villa (bao gồm nước thải tắm, rửa tay chân; nước thải đại tiện, tiểu tiện và dội vệ sinh), lưu lượng phát sinh lớn nhất 47,2 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 8: Nước thải phát sinh từ hoạt động thay nước bể bơi của khu biệt thự Luxury tại khu C, lưu lượng phát sinh lớn nhất 127,0 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 9: Nước thải phát sinh từ hoạt động thay nước bể bơi của khu biệt thự Golf tại khu C, lưu lượng phát sinh lớn nhất 127,0 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 10: Nước thải phát sinh từ hoạt động thay nước bể sục của khu Massage tại khu D, lưu lượng phát sinh lớn nhất 16,9 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 11: Nước thải phát sinh từ hoạt động thay nước hồ bơi khu vui chơi giải trí tại khu D, lưu lượng phát sinh lớn nhất 359,8 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

Dự án có 05 dòng nước thải như sau:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 công suất 550 m³/ngày đêm (Xử lý cho các nguồn nước thải: số 01, 02, 03, 04; 05 và số 06) được bơm cưỡng bức qua đường ống DN90 xả thải ra hồ Mau Sủi.
- Dòng nước thải số 02: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2 công suất 400 m³/ngày đêm (Xử lý cho nguồn số 07) được bơm cưỡng bức qua đường ống DN90 xả thải ra hồ Mau Sủi.
- Dòng nước thải số 03 (nguồn số 08): Nước thải từ hoạt động thay nước bể bơi của khu biệt thự Golf tại khu C được bơm cưỡng bức qua đường ống DN90 xả thải ra rãnh thoát nước mặt về hồ Mau Sủi.
- Dòng nước thải số 04 (nguồn số 09): Nước thải từ hoạt động thay nước bể bơi của khu biệt thự Luxury tại khu C được bơm cưỡng bức qua đường ống DN90 xả thải ra rãnh thoát nước mặt về hồ Mau Sủi.
- Dòng nước thải số 05 (nguồn số 10; 11): Nước thải từ hoạt động thay nước hồ bơi khu vui chơi giải trí, bể sục khu Massage tại khu D được bơm cưỡng bức qua đường ống DN90 xả thải ra rãnh thoát nước mặt về hồ Mau Sủi.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn tiếp nhận của 5 dòng nước thải là hồ Mau Sủi tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Tọa độ vị trí xả thải: X = 2202326 (m), Y = 543642 (m).
- Dòng nước thải số 02: Tọa độ vị trí xả thải: X = 2202484 (m), Y = 544269 (m).
- Dòng nước thải số 03: Tọa độ vị trí xả thải: X = 2202541 (m), Y = 543767 (m).
- Dòng nước thải số 04: Tọa độ vị trí xả thải: X = 2202443 (m), Y = 544042 (m).
- Dòng nước thải số 05: Tọa độ vị trí xả thải số 01: X = 2202243(m), Y = 543967(m); tọa độ vị trí xả thải số 02: X = 2202338(m), Y = 543990 (m).

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰)

Điểm xả nước thải ra môi trường phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 975,3 m³/ngày đêm (24 giờ), trong đó:

- Dòng nước thải số 01: 297,4 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải số 02: 47,2 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải số 03: 127,0 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải số 04: 127,0 m³/ngày đêm
- Dòng nước thải số 05: 376,7 m³/ngày đêm

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Nước thải sau xử lý được bơm cưỡng bức qua đường ống ra nguồn tiếp nhận.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng thải số 01, số 02: Liên tục 24 giờ/ngày.

- Dòng thải số 03; 04; 05: Không thường xuyên (xả 4 lần/năm vào thời điểm thay nước, thau rửa bể bơi).

2.4.3. Chất lượng nước thải:

Chất lượng của các dòng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần	Không áp dụng
2	TSS	mg/l	50		
3	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1.0		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn thải số 01, số 02, số 03, số 04, số 05 và số 06 sau khi được xử lý sơ bộ → Đường ống HDPE ϕ 250, ϕ 355 → Đường ống HDPE ϕ 355 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1, công suất 550 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ nguồn thải số 07 khi được xử lý sơ bộ → Đường ống HDPE ϕ 250, ϕ 355 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2, công suất 400 m³/ngày đêm.

- Nước thải từ nguồn thải số 08 → Bơm → Đường ống DN90 → Rãnh thoát nước → Hồ Mau Sủi.

- Nước thải từ nguồn thải số 09 → Bơm → Đường ống DN90 → Rãnh thoát nước → Hồ Mau Sủi.

- Nước thải từ nguồn thải số 10 → Bơm → Đường ống DN90 → Rãnh thoát nước → Hồ Mau Sủi.

- Nước thải từ nguồn thải số 11 → Bơm → Đường ống DN90 → Rãnh thoát nước → Hồ Mau Sủi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải:

+ Bể tự hoại 3 ngăn: 94 bể, tổng thể tích 761,0 m³;

+ Bể tách dầu mỡ: 02 Bể (01 bể tại nhà hàng nổi V=3,84 m³; 01 bể tại nhà hàng ẩm thực Việt V= 3,19 m³);

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 550m³/ngày đêm: 01 hệ thống.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400m³/ngày đêm: 01 hệ thống.

1.2.2. Tóm tắt quy trình công nghệ của trạm xử lý nước thải tập trung:

- Hai hệ thống xử lý nước thải tập trung có cùng quy trình công nghệ như sau: Nước thải từ các nguồn → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Thiếu khí → Bể Hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Máy bơm → Đường ống DN90 → Môi trường tiếp nhận (Hồ Mau Sủi).

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1, công suất 550 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2, công suất 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch NaOH, Javel (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 công suất 550 m³/ngày đêm:

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí (trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng); Hệ thống bể thiếu khí và hiếu khí được thiết kế chạy 02 module song song, nên khi gặp sự cố có thể vận hành 01 module và 01 module để lưu nước.

+ Ngoài ra, toàn bộ hệ thống cống, đường ống công nghệ, hố ga, giếng thăm

và các bể xử lý của Hệ thống có thể lưu giữ toàn bộ nước thải phát sinh từ các nguồn thu gom về Hệ thống trong thời gian tối đa 3 ngày để có thời gian khắc phục, sửa chữa những sự cố của Hệ thống. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; Sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được xử lý đạt quy chuẩn để thoát ra nguồn tiếp nhận sẽ vận hành lại hoạt động của dự án.

- *Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2 công suất 400 m³/ngày đêm:*

+ Trang bị các thiết bị dự phòng cho các hệ thống xử lý nước thải như máy bơm, máy thổi khí (trang bị 02 thiết bị: 01 làm việc; 01 dự phòng); Hệ thống bể thiếu khí và hiếu khí được thiết kế chạy 02 module song song, nên khi gặp sự cố có thể vận hành 01 module và 01 module để lưu nước.

+ Nước thải được lưu chứa tại bể điều hoà – kết hợp bể sự cố có dung tích $V=144,1 \text{ m}^3$, lưu lượng nước thải lớn nhất dẫn về hệ thống là $47,2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; đảm bảo lưu chứa được 3 ngày để khắc phục sự cố công trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, chủ dự án sẽ phải tạm dừng hoạt động để khắc phục; Bể sự cố không còn sức chứa, Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; Sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được xử lý đạt quy chuẩn để thoát ra nguồn tiếp nhận sẽ vận hành lại hoạt động của dự án.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của Hệ thống xử lý nước thải tập trung và trong các đường ống thu gom, các hố ga, giếng thăm.

+ Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để

khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, từ tháng 01/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1, công suất 550 m³/ngày.đêm; Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2, công suất 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1, công suất 550 m³/ngày.đêm;
- + 01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý tập trung;
- + 01 vị trí tại bể khử trùng trước khi bơm xả thải ra hồ Mau Sủi.
- Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2, công suất 400 m³/ngày.đêm.
- + 01 vị trí tại bể gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý tập trung;
- + 01 vị trí tại bể khử trùng trước khi bơm xả thải ra hồ Mau Sủi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (trách nhiệm báo cáo cơ quan cấp phép để giám sát).

3.6. Trường hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai bàn giao cho đơn vị khác quản lý, vận hành dự án: Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này; hoàn thành các thủ tục về nghiệm thu, bàn giao công trình xử lý nước thải đảm bảo các chỉ tiêu đáp ứng các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo Mục 2.4.3 phần A của phụ lục này. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải của dự án, đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI
VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 550 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Khí thải (mùi) phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày.đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải: Dự án có 02 dòng khí thải.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 550 m³/ngày đêm, cao 5m trong khuôn viên của dự án tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống thu gom, xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 400 m³/ngày đêm, cao 5m trong khuôn viên của dự án tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

2.2. Vị trí xả thải:

Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của dự án tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả thải (*theo tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°*) như sau:

- Dòng khí thải số 01: X = 2202317 (m); Y = 543637 (m).

- Dòng khí thải số 02: X = 2202485 (m); Y = 544279 (m).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 6.000 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lượng xả khí thải lớn nhất là 3.000 m³/giờ

- Dòng khí thải số 02: Lượng xả khí thải lớn nhất là 3.000 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả thải: Xả liên tục 24/24 giờ.

2.3.2. Chất lượng khí thải sau xử lý:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K_p = 1,0 và K_v = 1,2), cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	9,0	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải, mùi

- Khí thải, mùi phát sinh từ nguồn số 01 → Đường ống PVC DN200 → Quạt hút (công suất hút 3.000m³/giờ) → Thiết bị xử lý khí thải → Ống thải PVC, DN200 → Môi trường.

- Khí thải, mùi phát sinh từ nguồn số 02 → Đường ống PVC DN200 → Quạt hút (công suất hút 3.000m³/giờ) → Thiết bị xử lý khí thải → Ống thải PVC, DN200 → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Quạt hút công suất 3.000m³/giờ: 02 cái (mỗi hệ thống 01 cái).
 - Tháp hấp thụ khí thải bằng dung dịch NaOH (Chiều cao × Đường kính = 2,5m × 1,5m): 02 tháp (mỗi hệ thống 01 tháp).

1.2.2. Quy trình công nghệ của hệ thống:

- Hai hệ thống xử lý khí thải có cùng quy trình công nghệ như sau: Khí thải (mùi) từ các bể xử lý nước thải → Đường ống PVC, DN200 → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Ống thải PVC, DN200 → Môi trường.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/giờ (theo công suất quạt hút).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch hấp thụ NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành: 06 tháng, từ tháng 01/2025 (cùng với thời gian vận hành thử nghiệm của Hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.3. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.4. Vị trí lấy mẫu:

+ KT1: Tại thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1;

+ KT2: Tại thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (mùi) của Hệ thống xử lý nước thải tập trung số 2;

2.5. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.6. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Đối với mùi, khí thải từ các công trình, thiết bị thu gom nước thải: Định kỳ bổ sung chế phẩm khử mùi đối với các bể phốt xử lý nước thải sinh hoạt; thường xuyên nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước mưa và định kỳ phun xịt chất khử trùng khu vực cống rãnh thoát nước trong khu vực dự án;

- Đối với mùi, khí thải từ quá trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn: Yêu cầu các khách du lịch, khách lưu trú trong khu dự án thu gom, quản lý chất thải rắn đúng nơi quy định; không bỏ rác bừa bãi ra khu vực xung quanh; rác thải sinh hoạt phát sinh được chuyển đi sau mỗi ngày và không tập kết rác thải qua đêm để tránh việc gây phát sinh mùi, ruồi bọ và nước rỉ rác ra môi trường; tại các kho tập kết rác thải sinh hoạt thường xuyên quét dọn, phun xịt chất diệt khuẩn, khử mùi tránh phát sinh mùi hôi thối ra môi trường.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý mùi, khí thải. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị, quạt hút.

3.4. Trường hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai bàn giao cho đơn vị khác quản lý, vận hành dự án: Trước khi bàn giao công trình cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải, mùi ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này. Đối với đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành sau khi hoàn thành Dự án: Sau khi tiếp nhận quản lý, vận hành, đơn vị tiếp nhận Dự án

phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý khí thải (mùi) của dự án, đảm bảo chất lượng khí thải sau khi xử lý đạt các giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.3.2 Phần A của Phụ lục này. /.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy nén khí, máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 550m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy nén khí, máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 400m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy phát điện dự phòng đặt tại nhà đặt máy phát điện số 1;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy phát điện dự phòng đặt tại nhà đặt máy phát điện số 2;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy phát điện dự phòng đặt tại nhà đặt máy phát điện số 3.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nằm trong khuôn viên dự án tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với tọa độ đại diện như sau:

- Nguồn số 01: X = 2202316 (m); Y = 543638 (m).
- Nguồn số 02: X = 2202485 (m); Y = 544275 (m).
- Nguồn số 03: X = 2202692 (m); Y = 543554 (m).
- Nguồn số 04: X = 2202246 (m); Y = 543843(m).
- Nguồn số 05: X = 2202806 (m); Y = 544062 (m).

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	75	16 01 06
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	150	16 01 12
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	400	17 02 03
4	Bao bì cứng bằng nhựa bị nhiễm các TPNH (can nhựa đựng hóa chất, bao bì đựng thuốc BVTV,...)	Rắn	75	18 01 03
5	Bao bì mềm thải (Bao bì đựng phân bón hóa học,...)	Rắn	50	18 01 01
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	Rắn	150	18 02 01
7	Hoá chất bảo vệ thực vật vô cơ được thải bỏ	Rắn	50	02 11 01
	Tổng số lượng		950,0	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống XLNT	Bùn/lỏng	552.200
2	Bùn thải từ bể tự hoại 03 ngăn	Bùn/lỏng	165.300
3	Bùn cặn phát sinh từ các hệ thống lọc nước bể bơi	Bùn/lỏng	2.130

4	Chất thải rắn vệ sinh sân đường, công viên cây xanh	Rắn	20.100
	Tổng		739.730

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	Rắn	467,9
	Tổng khối lượng		467,9

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 60 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu tập kết chất thải (cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 công suất 550 m³/ngày đêm), diện tích 30,0 m², trong đó ngăn lưu chứa CTNH có diện tích 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Ngăn lưu chứa có nền được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm; Tường xây thẳng gạch chỉ đặc, trát tường trong, ngoài dày 1,5cm, VMN M75, PC40, lợp tôn múi dài chống nóng; Có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng. Bố trí biển tên, biển cảnh báo và danh mục CTNH được tập kết. Có hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên mái để thoát ra hệ thống thu gom thoát nước mưa tại dự án, không xâm nhập vào bên trong khu vực chứa chất thải.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thu gom về khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt (cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 công suất 550 m³/ngày đêm), diện tích 20,0 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa dung tích 2 lít, 5 lít, 20 lít, 60 lít tại các công trình, sân đường nội bộ;

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu tập kết chất thải (cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung số 1 công suất 550 m³/ngày đêm) có diện tích 30,0 m², trong đó ngăn lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo: Ngăn lưu chứa có nền được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm; Tường xây thẳng gạch chỉ đặc, trát tường trong, ngoài dày 1,5cm, VMN M75, PC40, lợp tôn mái dài chống nóng. Có hệ thống thu gom, thoát nước mưa trên mái để thoát ra hệ thống thu gom thoát nước mưa tại dự án, không xâm nhập vào bên trong khu vực chứa chất thải.

2.4. Chuyển giao chất thải

Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố đối với nước thải; ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại

điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai đã hoàn thành một số các công trình bảo vệ môi trường dự án Khu Resort Sao Mai Thanh Hóa tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 4875/QĐ-UBND ngày 02/12/2021. Giai đoạn tiếp theo, Công ty phải tiếp tục hoàn thiện các hạng mục công trình cho toàn dự án, gồm:

- Tại khu A – Khu đón tiếp điều hành: Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình như Quảng trường, Bãi đỗ xe. Hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải tại khu vực các công trình trên;

- Tại khu B – Khu đồi tình tâm: Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình như khu thiền, khu xử lý kỹ thuật, văn phòng làm việc, đường giao thông. Công trình xử lý nước thải sơ bộ (bể tự hoại); Hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải của toàn khu;

- Tại khu C – Khu nghỉ: Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình như Khách sạn; Khu làng Việt. Công trình xử lý nước thải sơ bộ (bể tự hoại); Hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải tại khu vực các công trình trên;

- Tại khu D – Khu dưỡng: Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình như Khu sân tập Golf. Bể xử lý nước thải từ nước mưa chảy tràn tại sân Golf; Công trình xử lý nước thải sơ bộ (bể tự hoại); Hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải tại khu vực các công trình trên;

- Tại khu E – Khu Villa: Giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại; Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình như một số căn Villa; Công trình xử lý nước thải sơ bộ (bể tự hoại); Hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải tại khu vực các công trình trên;

- Tại khu F – Khu đảo ngọc: Xây dựng hoàn thiện các hạng mục công trình như Khu phố mua sắm; Khu biểu diễn nhạc nước; Viện y học dân tộc; Khu vui chơi giải trí; Club Sao Mai; Khu thể dục thể thao; Khu Spa; Giao thông; Cây xanh cảnh quan; Công trình xử lý nước thải sơ bộ (bể tự hoại); Hệ thống thu gom thoát nước mưa; hệ thống thu gom thoát nước thải của toàn khu.

- Thực hiện đầu nối thoát nước thải đạt quy chuẩn sau các hệ thống xử lý nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực thôn Quyết Tâm (dự kiến quý IV năm 2025) và chảy ra nguồn tiếp nhận (sông Chu).

Sau khi hoàn thành hoàn các hạng mục công trình trên, yêu cầu Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép môi trường của Dự án theo quy định pháp luật. Thực hiện vận hành thử nghiệm đối với các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 trước khi bàn giao cho đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1.1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

1.2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

1.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

1.4. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K = 1,0); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

1.5. Kiểm soát hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

1.6. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong khí thải (mùi) sau ống khí thải của các hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$).

1.7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

1.8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

1.9. Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

1.10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

1.11. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

1.12. Trường hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai bàn giao cho đơn vị khác quản lý, vận hành dự án: Đơn vị tiếp nhận quản lý, vận hành và khai thác dự án có trách nhiệm tiếp tục vận hành các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo yêu cầu tại giấy phép này và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.